TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1078/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Châu Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2021 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 43/11 T, Phường 7, quận G, Thành phố H; địa chỉ tạm trú: Số 76 đường N - tổ 3, khu phố 9, phường H, thị xã C, tỉnh B (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Đức T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 467/8/66 đường T, Phường 12, Quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: Số 28C-28D phố B, phường H, quận H, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số 151-153 N, phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn V, sinh năm 1979 và bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1992 (Văn bản ủy quyền số 872/2023/UQ-NCB ngày 11/8/2023) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2021, bản tự khai ngày 12/11/2021 và quá trình hòa giải tại Tòa bà Lê Thị Thùy T trình bày*:

Bà và ông T trước đây là vợ chồng đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn tại bản án số 1570/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận G. Tại thời điểm ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông T vay tiền của Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt Ngân hàng Q) để mua căn hộ chung cư I tại Phường 14, quận G và để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán ông bà đã thế chấp bằng chính căn hộ đó. Do ông bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã bán đấu giá căn hộ để thu hồi nợ. Nay khoản nợ với Ngân hàng Q đã giải quyết xong và số tiền bán căn hộ còn thừa là 793.873.921 đồng hiện Ngân hàng Q giữ, ông T không hợp tác với bà trong việc nhận lại số này. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tiền 793.873.921 đồng, đây tài sản chung của bà và ông T được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, phần bà yêu cầu được được chia là 396.936.960 đồng.

2. Tại bản tự khai ngày 19/11/2021 và quá trình hòa giải tại tòa, bị đơn - Ông Đinh Đức T trình bày:

Ông và bà T đã được Tòa án nhân dân quận G giải quyết cho ly hôn nhưng về phần tài sản chung và nợ chung chưa giải quyết.

Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà T ngoài số tiền còn dư sau khi bán đấu giá căn hộ chung cư mà hiện Ngân hàng Q đang giữ thì còn có tài sản chung khác là căn nhà số 43/11 đường T, Phường 7, quận G (nhờ bà Lê Thị Thùy D đứng tên dùm) và có các khoản nợ chung là: Nợ bà Võ Phụng K (mẹ bà T) số tiền khoảng 200.000.000 đồng và nợ ông Đinh Minh N (ba ông T) số tiền khoảng 800.000.000 đồng, khoản vay 250.000.000 đồng tại Ngân hàng S - Chi nhánh B (do bà Lê Thị Thùy D đứng tên vay hộ để mua căn nhà căn nhà 43/11 đường T, Phường 7, quận G, Thành phố H). Vì vậy ông yêu cầu bán nhà cộng với số tiền còn lại mà Ngân hàng Q đang giữ, thanh toán hết các khoản nợ. Số tiền còn lại sẽ chia đôi.

3. Tại bản tự khai ngày 12/11/2021 và quá trình hòa giải làm việc tại tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Q do bà Hoàng Thị Thu H là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 27/11/2015 ông Đinh Đức T và bà Lê Thị Thùy T có ký với Ngân hàng TMCP Q Hợp đồng cho vay số 227/2015/HĐCV/101-3E và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 227/15/HĐTC/101-3E, theo đó tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng mua bán căn hộ số 304/2015/HĐ-MBCH (I-Home ngày 04/02/2015) giữa bà T, ông T với Công ty TNHH I.

Ngày 22/8/2017 ông T và bà T tiếp tục ký với Ngân hợp đồng cho vay sửa đổi bổ sung số 227/2015/HĐCV-9312/PL01và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/PLHĐTC/227-9312.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên bà T, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã tiến hành xử lý bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tổng số tiền bán đấu giá căn hộ thu được là 1.294.470.000 đồng. Số tiền bà T, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là 433.240.014 đồng và chi phí bán đấu giá tài sản là 67.356.065 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ, chi phí bán đấu giá tài sản thì số tiền còn lại là 793.873.921 đồng. Số tiền này Ngân hàng đang giữ và được gửi vào tài khoản trung gian của Ngân hàng, tài khoản này không phát sinh lãi. Ngân hàng sẽ thực hiện hoàn trả cho bà T, ông T theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án. Đối với tranh chấp giữa bà T, ông T về các tài sản khác Ngân hàng không có ký kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là ông T vắng mặt không có lý do.

Ngân hàng TMCP Q giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Thời hạn xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa bà Lê Thị Thùy T và ông Đinh Đức T là tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Bị đơn hiện đang cư trú tại quận G, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Tại bản tự khai ngày 19/11/2021 của ông T đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn, trong đó ông T nêu tài sản chung gồm: căn nhà số 43/11 đường T, Phường 7, quận G (nhờ bà Lê Thị Thùy D đứng tên dùm) và số tiền còn lại sau khi bán đấu giá căn hộ chung cư hiện Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt Ngân hàng Q) đang giữ 793.873.921 đồng và nợ chung gồm: Nợ của bà Võ Phụng K (mẹ bà T) số tiền khoảng 200.000.000 đồng, ông Đinh Minh N (ba ông T) số tiền khoảng 800.000.000 đồng, nhờ bà Lê Thị Thùy D đứng tên vay dùm Ngân hàng TNHH MTV S Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng S) số tiền 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại các bản khai ngày 22/6/2023 của bà Võ Phụng K và bản khai ngày 06/6/2023 của Ngân hàng S đều xác định không cho bà T, ông T vay bất kỳ khoản tiền nào. Bản khai ngày 22/6/2023 của bà Lê Thị Thùy D cũng xác định không cho bà T, ông T vay bất kỳ khoản tiền nào, khoản vay tại Ngân hàng S là khoản vay của cá nhân bà D và căn nhà 43/11 đường T, Phường 7, quận G là tài sản riêng của bà D không liên quan đến ông T, bà T.

- Đối với ông Đinh Minh N: Căn cứ trích lục khai tử số 117/TLKT-BS do do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận G cung cấp ngày 21/02/2023, xác định ông N đã chết ngày 22/4/2021.

Căn cứ Công văn phúc đáp số 1870/CAQ-QLHC ngày 11/5/2023 của Công an quận G về việc xác minh hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Minh N gồm: Bà Trần Thị M (vợ), ông Đinh Đức P (con), ông Đinh Đức G (con), ông Đinh Đức T (con).

Ngày 10/5/2023 Tòa án đã ban hành thông báo số 44/TB-TA cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Minh N về việc nộp đơn yêu cầu độc lập và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn (nếu có) để Tòa án có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án trên. Hết thời hạn bà M, ông Phương, ông G, ông T không có ý kiến phản hồi, không nộp đơn yêu cầu độc lập cho Tòa. Do đó,

Hội đồng xét xử xác định bà K, bà Dương Ngân hàng S và bà M, ông P, ông G, ông T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông T là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà T và ông T đã ly hôn theo Bản án số 1570/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận G, về phần tài sản chung và nợ chung các bên chưa giải quyết.

Xét lời trình bày của ông T cho rằng: Tài sản chung giữa ông và bà T ngoài số tiền 793.873.921 đồng mà Ngân hàng Q đang giữ thì còn có tài sản chung khác là căn nhà số 43/11 đường T, Phường 7, quận G (nhờ bà Lê Thị Thùy D đứng tên dùm) và các khoản nợ chung gồm: Nợ bà Võ Phụng K (mẹ bà T) số tiền khoảng 200.000.000 đồng và nợ ông Đinh Minh N (ba ông T) số tiền khoảng 800.000.000 đồng. Ông yêu cầu bán nhà cộng với số tiền mà Ngân hàng Q đang giữ và thanh toán hết các khoản nợ, số tiền còn lại sẽ chia đôi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên bản ghi nhận ngày 03/8/2022, Tòa án đã giải thích và hướng dẫn ông T nộp đơn yêu cầu về việc chia tài sản chung, nợ chung và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Đồng thời, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 785/2022/QĐ-CCTLCC yêu cầu ông T cung cấp: Đơn yêu cầu về việc chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn, các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà Lê Thị Thùy D đứng tên dùm căn nhà số 43/11 đường T, Phường 7, quận G và đứng tên vay hộ khoản vay 250.000.000 đồng tại Ngân hàng S.Tuy nhiên, ông T không nộp đơn yêu cầu theo Quyết định nêu trên, ngày 11/8/2022 ông T có bản giải trình phản hồi về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng không liệt kê rõ những tài sản yêu cầu chia là tài sản gì, giá trị tài sản tạm tính là bao nhiêu và yêu cầu được chia được như thế nào nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của ông T trong vụ án này. Do vậy,

đối với tài sản mà Tòa án chưa giải quyết nếu sau này các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xác định số tiền 793.873.921 đồng còn thừa sau khi Ngân hàng Q xử lý bán đấu giá tài là căn hộ C10.11 chung cư I tại Phường 14, quận G, Thành phố H của ông T, bà T là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân chưa chia.

Căn cứ Khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Tài sản của vợ chồng được chia đôi…". Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tiền 793.873.921 đồng là cơ sở nên Hội dồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm chi trả số tiền 793.873.921 đồng cho ông T, bà T; cụ thể số tiền bà T được nhận là 396.936.960 đồng, số tiền ông T được nhận là 396.936.961 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm*:*

Căn cứ quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Thùy T, ông Đinh Đức T phải chịu án phí tương ứng với giá trị được chia nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.846.848 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Xác định số tiền 793.873.921 đồng (Bảy trăm chín mươi ba triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm hai mươi mốt đồng) do Ngân hàng TMCP Q đang quản lý là tài sản chung của bà Lê Thị Thùy T và ông Đinh Đức T.

Bà Lê Thị Thùy T được chia số tiền là 396.936.960 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi đồng). Ông Đinh Đức T được chia số tiền là 396.936.961 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi mốt đồng).

Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm chi trả số tiền 793.873.921 đồng (Bảy trăm chín mươi ba triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm hai mươi mốt đồng) cho bà Lê Thị Thùy T và ông Đinh Đức T, cụ thể: Số tiền bà Lê Thị Thùy T được nhận là 396.936.960 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi đồng) và số tiền ông Đinh Đức T được được nhận là 396.936.961 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi mốt đồng). Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thi hành dưới sự giám sát của Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.846.848 đồng (Mười chín triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng nhưng được trừ vào số tiền 9.923.424 đồng (Chín triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi bốn) đồng bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028498 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà Lê Thị Thùy T còn phải nộp thêm 9.923.424 đồng (Chín triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Ông Đinh Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.846.848 đồng (Mười chín triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND Q.Gò Vấp, Tp.HCM;
- CCTHADS Q. Gò Vấp, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Huệ